

CÂU-XÁ LUẬN SỐ

QUYỂN 10

Phẩm 3: PHÂN BIỆT THỂ GIAN (Phần 3)

1. Giải thích danh nghĩa của mười hai chi:

Luận chép: Vô minh là gì? Dưới đây đại môn thứ hai, giải thích danh nghĩa của mười hai chi, căn cứ trung hữu có bốn:

- 1) Giải thích vô minh.
- 2) Giải thích danh sắc.
- 3) Giải thích chi xúc.
- 4) Giải thích chi thọ.

Còn tám chi văn khác sẽ giải thích, y theo ban đầu có hai, một là chánh giải thích tên đó, hai là chứng minh riêng có tự thể tánh y theo văn trước hỏi sau đáp. Luận chép: Cho rằng thể chẳng phải minh. Đây là đáp. trung hữu có ba, hai cách trước không phải chánh đáp, một cách sau nêu bài tụng chánh đáp. Trong phần không chánh đáp có hai: Một là do chẳng sáng nên gọi là Vô minh, hai là do sáng không có nên gọi là vô minh, đây là trước đáp. Sở dĩ gọi là vô minh vì chẳng sáng suốt, luận chép: Nếu như vậy vô minh lẽ ra là nhãn căn v.v... là bất bẻ, hoặc thể chẳng sáng suốt gọi là vô, sáu căn như mắt v.v... sáu cảnh như sắc trần v.v... trừ vô lậu minh và thể chẳng sáng nên gọi là Vô minh, đã như thế nghĩa này nên gọi là Vô minh. Thứ hai là chuyển giải thích, do vô minh nên gọi là vô minh, luận chép: Đã vậy thì thể của vô minh lẽ ra chẳng thật có, là bác bỏ, hoặc sáng không có nên gọi là vô minh, vô minh là ứng, minh vô là tánh, Nếu vô minh dùng minh vô làm tánh thì vô minh tức ứng, thể chẳng thật có. Luận chép: Vì hiểu rõ có nghĩa thể tánh không lẫn lộn với nghĩa khác, trở xuống bài tụng thứ ba chánh giải thích, vì chỉ rõ có thể tánh khác với minh vô, nghĩa không lẫn lộn với nghĩa khác, khác thì chẳng sáng, luận chép. Cho đến chẳng phải bản thân không có, là nêu dụ để hiển bày trong đó có ba:

- 1) Nêu thí dụ thân thuộc, chẳng phải thân thuộc.
- 2) Nêu thí dụ thật, phi thật.
- 3) Nêu đẳng ngôn đẳng dư phi pháp đẳng dụ.

Đây là sơ thân, phi thân, chẳng phải thân bằng quyến thuộc bạn thân chỉ chấp đối với kẻ thù gọi là chẳng phải bạn thân, không phải thể, chẳng phải bạn thân, khác bạn thân gọi là không phải bạn thân, không là bạn thân không có nên gọi là chẳng phải bạn thân. Lời nói đúng đắn gọi là thật cũng phi thật vô, là nêu cách thứ hai. Đẳng ngôn là nói về phi dị phi vô, nêu cách thứ ba, phi pháp là pháp bất thiện, phi nghĩa là nghĩa bất thiện, phi sự nghĩa là các việc bất thiện. Thế thì pháp, nghĩa, sự kia đối ngược nên không phải dị pháp, đẳng pháp, vô đẳng. Luận chép: Như vậy vô minh cho đến phi dị, phi vô, đây hợp lại để giải thích vô minh.

2. Chứng minh có thể tánh riêng:

Luận chép: Làm sao biết được như vậy? Dưới đây là thứ hai chứng minh có thể tánh riêng, cho nên biết thể chẳng khác với mình và mình vô. Luận chép: Nói hành duyên, là đáp có hai, một là đáp sơ lược, hai là đáp đầy đủ. Đây là đáp sơ lược, nói hành duyên cho nên đã là hành duyên, minh tri chẳng phải dị minh, là nói tất cả pháp khác, cũng chẳng phải vô thể là minh vô. Luận chép: Lại có lời thành thật chứng minh, một hàng tụng sau đây giải thích đầy đủ, Luận chép: Cho đến gọi là vô minh là giải thích văn tụng trong đó có ba, một là chứng minh chẳng phải khác vô minh, hai là chứng minh chẳng thuộc ác tuệ, ba là chứng minh không phải phi kiến tuệ, đây là văn đầu. Vô minh đã là một kiết sử trong chín kiết sử, một phược trong ba phược, thuộc một tùy miên trong mười tùy miên, một lậu trong ba lậu, là một ách, một bộc lưu trong bốn ách bốn bộc lưu, nên biết chẳng phải các pháp như minh, tùy miên v.v... cũng chẳng phải hoàn toàn không có cũng như lông rùa, sừng thỏ mà có thể nói các sự như kiết... do đó pháp khác gọi là vô minh.

3. Chứng minh chẳng phải ác tuệ:

Luận chép: Như người vợ độc ác cho đến lẽ ra gọi là vô minh, đây là thứ hai chứng minh chẳng phải ác tuệ, trước hỏi sau đáp, đây là hỏi.

Luận chép: Kia chẳng phải vô minh cho đến cho nên chẳng phải vô minh, vì có một phần tuệ trong ác tuệ là năm kiến, đã chẳng phải chín kiết v.v... chẳng phải vô minh. Nếu vậy chẳng phải kiến tuệ, lẽ ra chấp là vô minh, đây là cách thứ ba, trong đó trước hỏi sau đáp, đây là hỏi. Không như thế thì vô minh đến cùng tương ứng, trong câu trả lời có hai ý, một là vì vô minh kiến tương ứng, hai là do vô minh năng nhiễm

tuệ. Đây là phần đầu. Luận: Lại nói vô minh cho đến khác với tuệ năng nhiệm, đây là thứ hai, tham năng nhiệm tâm, tham đã không phải tâm, do đó biết năng vô minh nhiệm tuệ chẳng phải tức tuệ. Luận chép: Vì sao không chấp nhận cho đến vì sao trái nhau, là kinh bộ chống chế, kinh nói vô minh nhiệm tuệ chẳng chắc chắn tương ứng. Trong các tuệ nhiệm ô xen lẫn thiện tuệ mà cho không được thanh tịnh gọi là nhiệm. Vì sao trái nhau? Như tâm tham nhiệm mà cho không thể giải thoát, đâu cần hiện khởi tương ứng với tâm mới gọi là Năng nhiệm, tham đã không chắc chắn, cho nên biết trong vô minh cũng chẳng tương ứng xen lẫn thiện tuệ nên gọi là nhiệm tuệ. Luận dù có công năng ngăn dứt đây nói là thiện, là Luận chủ phê bình theo nghĩa Hữu bộ.

4. Lại nêu chấp khác:

Theo đây, Luận chủ không chắc chắn chấp một tông, lý dài tức là chấp. Luận chép: Lại chấp phiền não đều là vô minh, là nêu dị chấp, ý luận sư này nói, tất cả phiền não đều là cảnh không rõ ràng, đều là vô minh, ở đây lẽ ra cũng đồng cho đến vô minh nhiệm tâm, y theo trước ngăn trừ. Nếu các phiền não đều là vô minh thì một là kiết, phiền, tùy miên lậu, ách v.v... chẳng lẽ nói riêng vô minh kiết... hai là chẳng lẽ cũng tương ứng với kiến, tham, sân v.v... kiến v.v... tức là vô minh, không lẽ tự nó tương ứng. Ba là hoặc cũng có thể gọi là vô minh nhiệm tâm. Luận chép: Hoặc trong đây là nói theo sự khác nhau, nhắc lại chống chế của ngoại đạo, ngoại đạo chống chế tất cả phiền não đều gọi là vô minh, gọi riêng là tham, sân, mạn v.v... theo kinh tâm tham nhiệm không gọi là vô minh hay tâm nhiệm, nói khác nhau gọi là không nói chung, luận chép: Lẽ ra đối với nhiệm tuệ không nói tên chung, là bắt bẻ ngược lại, bắt bẻ rằng.

Bắt bẻ ngược lại, nạn rằng: Nếu tâm tham nhiệm nói tên khác nhau là tâm tham nhiệm, vì sao nhiệm tuệ gọi chung là vô minh nhiệm tuệ. Luận chép: Đã chấp nhận vô minh cho đến tương kia, vì sao, là ngoại đạo hỏi, luận chép: Nghĩa là họ không hiểu rõ Bốn đế, Tam bảo, nghiệp quả, là Luận chủ đáp. Chưa so sánh với tương ấy cho đến như thuyết vô minh chép là ngoại đạo nêu lỗi, luận chép: ở đây cho rằng biết rõ pháp phân biệt đối trị, là Luận chủ đáp. Lại gạn hỏi so sánh tương ấy là gì ngoại đạo chưa rõ câu hỏi, luận chép: Loại pháp nhĩ này cho đến chỉ có thể nói về dụng, là Luận chủ giải thích lại. Luận chép: Đại đức Pháp Cứu cho đến dựa vào loại tánh của ngã mà nói về thuyết khác, ở đây Đại đức nói vô minh tức là các kinh khác gọi loại tánh cậ nhờ ngã.

5. Luận chủ hỏi về chín thứ mạn:

Luận khác với loại thể ngã mạn là gì? Là Luận chủ hỏi Đại đức, loại ngã mạn này tức chín thứ mạn, đây tức là sự khác nhau giữa ngã mạn, khác với loại, tánh ngã mạn là gì? Luận chép: Kinh nói nay ngã cho đến khác với ngã mạn là dẫn kinh thí dụ giải thích, thấy biết như thế rồi. Đây là Phật tự nói đã biết bốn đế như vậy, đã thấy bốn đế đúng như vậy, tức là dĩ tri căn hoặc cụ tri căn trong ba pháp vô lậu, các sở hữu ái (tất cả các cách ăn) các sở hữu kiến (năm kiến) các sở hữu loại tánh (vô minh) các chấp ngã ngã sở (Luận Chánh Lý) (do quá trọng nên nói lại) chấp ngã mạn (theo Luận Chánh Lý thì thuộc tất cả mạn) tùy miên (Luận Chánh Lý thì đây thuộc nghi, sân hai thứ tùy miên) vì dứt biến tri (được tất cả kiết đều thấy biết), vô ảnh (nghĩa là không có phiền não đắc, như hình ảnh đi trong hư không) vắng lặng (được Niết-bàn hữu dư, vì Phật chưa nhập Niết-bàn vô dư) do đó biết loại tánh khác với ngã mạn (đã biết nói riêng với ngã mạn) luận chép: Đâu biết loại tánh tức là vô minh, là Luận chủ gạn hỏi, tuy biết nói riêng không khác ngã mạn, đâu biết loại tánh tức là vô minh. Vì luận không thể nói ngoài phiền não tham, mạn, kiến v.v... đã nói riêng nghi, nhuế hoặc là chẳng phải loại, đã nói trong tùy miên kia. Trong mười tùy miên chỉ có vô minh chưa nói cũng có thể là vô minh, không thể nói là phiền não khác.

6. Luận chủ vấn hỏi:

Luận chép: Chẳng lẽ không thể nói cho đến lẽ ra thôi dừng, Luận chủ vấn hỏi tham, kiến, ngã mạn v.v... do kinh nói riêng, không thể nói là tham kiến, ngã mạn, mạn khác, nghi, nhuế kinh đã không nói, đâu biết không phải các mạn khác, nghĩa là đồng chấp lấy hai hoặc nghi, nhuế, đây là ý của dị sư, Luận chủ nêu ra câu gạn hỏi, cho nên biết được. Luận Chánh Lý có thuyết cho dư mạn thuộc loại tánh, kia nói không đúng, các Luận chủ nói trôi lăn trong ngã mạn, chấp ngã mạn thuộc về các mạn (ý các ngôn ở đây lưu lại đến ngã mạn, tức nói các mạn. Đã nói các mạn nên biết nhiếp hết). Lẽ ra như ái v.v... nhiếp hết không còn sót (các lời nói lưu lại đến ái v.v...) nhưng ở trong đây cái vượt hơn nói riêng, chấp ngã, ngã sở là các kiến căn, nên trong hai kiến riêng hiển bày hai thứ (ở đây nói kiến lý phải thuộc tất cả kiến, do ngã, ngã sở các chấp căn bản thù thắng hơn nên nói lại). Vì nhiếp nghi, nhuế nói tùy miên (nghi, nhuế tuy không thuộc tùy miên) trong thắng phiền não vô minh chưa nói, vì nói riêng thuyết loại tánh kia, biến và hoặc chung (tuy theo tướng của các hoặc khác nhau nên gọi là loại) khắp đến các đường nên gọi là loại tánh, loại có nghĩa là đi, là thể của loại

được gọi là loại tánh, nay giải rõ theo Chánh Lý, tự riêng là một nhà lý luận không chắc chắn chứng minh, như nói tùy miên, mà sao biết chắc chắn thuộc nghi, nhưế, không thuộc vô minh, các lời trùm khắp, cho rằng ngã mạn nhiếp sáu mạn còn lại. Nếu cho rằng ngã mạn nhiếp các mạn nên chỉ nói mạn, kinh lẽ ra chẳng nêu riêng ngã mạn, như nói ái kia, hoặc cho rằng dùng ngã mạn vượt hơn để nêu riêng tên gọi ngã, nên biết ngã không nhiếp các mạn khác. Như chấp ngã ngã sở, kiến chấp này vẫn sau không thuộc bốn kiến chấp, Luận chủ gạn hỏi tới lui truy tìm không thể giải thích thông suốt.

7. Danh sắc nghĩa là gì?

Luận chép: Danh sắc nghĩa là gì? Cho đến nay sẽ nói về danh, một câu sau đây là phần thứ hai giải thích danh. Hai chi Hành, thức như phần khác đã nói nên nay vượt qua thứ lớp giải thích danh sắc. Luận chép cho đến vì sao gọi là danh, là hỏi vì sao bốn uẩn thật chẳng phải danh mà gọi là danh? Luận chép: Tùy chỗ đặt tên cho đến nên gọi là Danh, là đáp, trong câu trả lời có hai, trước là đáp chung sau giải thích riêng. Nay sẽ trả lời chung tùy chỗ đặt tên đối với nghĩa chuyển đổi nên gọi là Danh, chánh nêu tên, tùy thế lực của căn cảnh với nghĩa sẽ thay đổi nên gọi là danh, bốn uẩn dường như danh nên gọi là danh. Theo Luận Chánh Lý Phật nói không có sắc bốn uẩn gọi là danh vì có thể biểu hiện dựa vào các thứ sở duyên. Nếu thế chẳng lẽ hoàn toàn thuộc về Vô Sắc, pháp bất tương ứng không có sở duyên, không như vậy thì biểu hiện chỉ ở Vô Sắc, như giải thích tên sắc, đã nói không có lỗi, Phật nói thay đổi ngăn ngại gọi là Sắc, khứ, lai, vô biểu và các cực vi tuy không khắp ngại mà được gọi là sắc. Vì trong Vô Sắc không có biến ngại cho nên biến ngại danh sắc chẳng phải bất cực thành. Theo Luận Chánh Lý cũng dùng bốn uẩn biểu hiện đồng tên nên nêu tên gọi, do bốn uẩn chuyển biến thành duyên đồng tên chuyển biến giải thích nên nêu tên gọi, Luận chép: Vì sao tùy theo tên gọi cho đến tên của sắc, vị v.v... là giải thích tên riêng, Luận chép: Vì sao cho đến chuyển biến mà duyên? Đây là giải thích bốn uẩn Vô Sắc chuyển biến, đồng nêu tên gọi. Luận chép: Vì loại tự danh, danh đồng nhóm Vô Sắc.

Luận Bà-sa quyển mười lăm thì nói sở dĩ bốn uẩn gọi là Danh, là đáp Phật đối với pháp hữu vi nói chung có hai phần đó là sắc, và phi sắc. Sắc là sắc uẩn, phi sắc tức là bốn uẩn còn lại như thọ... Trong nhóm phi sắc có thể hiển rõ tên của tất cả pháp, nên nhóm phi sắc gọi chung là danh. Luận rằng vì theo tên hiển bày, bốn uẩn sâu kín khó biết tùy danh hiện rõ, luận Bà-sa thì nói sắc pháp thô hiển gọi là danh sắc, phi

sắc tế ẩn do tên gọi hiển bày nên gọi là Danh. Có các luận sư khác nêu tên gọi, nêu thuyết khác khác, theo Luận Chánh Lý thì đối với tất cả giới, địa, sinh có thể trùm khắp các cõi đường, địa, sanh, năng trùm cầu khắp đường, nên đặt tên gọi, chẳng phải vô lậu Vô Sắc không được gọi là Danh. Tuy chẳng phải chỗ này nói giống như văn luận này. Lại đối với Vô Sắc tùy theo người nói gọi chung là Danh, chẳng nhọc gạn hỏi.

8. Giải thích về xúc:

Luận chép: Thế nào là xúc? Phần thứ ba sau đây sẽ giải thích về chi Xúc, sáu nhập như văn trước đã giải thích, nên văn này không nói. Vượt thứ lớp nói về xúc, trong đây có ba ý: Một là sáu xúc; Hai là có hai xúc; Ba là có tám xúc, phần thứ nhất sẽ nói về sáu xúc, luận chép cho đến ý xúc, ở đây y theo căn sở y mà chia thành sáu xúc, xúc này lấy gì làm thế? Luận chép: Ba hòa sở sinh cho đến khi có Xúc riêng sinh ra, là đáp. Thể của xúc khó phân biệt dựa vào nhân để nói. Luận chép: Vả lại năm Xúc sinh ra, cho đến làm sao hòa hợp? Là bất bẻ, đều ở trong hiện tại có thể nói hòa hợp, ba đời đều khác nhau làm sao hòa hợp, vì ở đây hòa hợp đồng với thuận sinh xúc, là đáp tức duyên ý ở quá khứ, pháp ở vị lai, thức ở hiện tại như thế gọi là hòa hợp, một là vì nghĩa nhân quả, hai là đồng một quả, nghĩa là ba thứ căn, cảnh, thức đồng thuận sinh một xúc, đây là nghĩa nhân duyên thành đồng một quả, nghĩa nhân quả thành này nghĩa đồng một quả, gọi là hòa hợp.

Luận Bà-sa quyển một trăm chín mươi bảy chép: Là đáp hòa hợp có hai thứ một là chung khởi, không lìa nhau, gọi là hòa hợp, hai là không trái nhau, đồng nói một việc gọi là hòa hợp. Năm thức tương ứng xúc chạm do hai thứ hòa hợp, gọi là hòa hợp, như trên là văn luận. Nói không lìa nhau tức do đồng một đời là không rời nhau, chẳng phải gọi là đồng nhóm, vì mắt, tai v.v... thấy sắc nghe tiếng khác nhau một chỗ. Luận chép: Các luận sư với giác tuệ này khác nhau, chỉ có sư kinh bộ nói, tức ba thứ hòa hợp gọi là Xúc, trình bày chấp của Kinh bộ kia do kinh nói ba pháp như vậy nhóm hợp hòa hợp gọi là Xúc, không nói biệt sinh, do đó biết ngoài ba thứ này không có xúc riêng. Có thuyết cho rằng pháp riêng cho đến nên xúc có riêng, là nêu chấp của Hữu Bộ trong kinh nói xúc là ngoài sáu căn, sáu cảnh riêng sáu xúc. cho nên biết sáu xúc không phải căn, cảnh có xúc riêng. Luận chép: Nói ba hòa cho đến chẳng thuộc pháp xứ, là nói sư kinh bộ có cả Hữu Bộ dẫn lục lục kinh, chỗ dùng thuyết sáu căn, sáu cảnh rồi lại phân biệt nói sáu xúc, nghĩa là sáu xúc có thật thể riêng, không có thọ, và ái. Nói pháp xứ rồi lại phân biệt nói có sáu thọ sáu xứ đó là thọ, ái, chẳng thuộc pháp

xứ, có thể tách riêng. Luận chép: Không có lỗi như vậy, cho đến khác nhau mà nói, là Hữu Bộ chống chế, không có lỗi như thế, thuyết nói lại về pháp xứ, vì pháp xứ có nhiều loại, là thọ ái và xúc này. Lại có nhiều loại pháp xứ khác không tương ứng v.v... theo kinh có sáu ngoại xứ, các pháp xứ kinh nói sáu thọ gọi là Thọ, nói sáu ái gọi là ái, kinh nói sáu xúc gọi là Xúc, do đó nói pháp xứ rồi lại nói sáu thọ, sáu ái, sáu xúc, theo tông ông lìa xúc không riêng có ba, có thể xúc và ba thứ khác nhau mà nói. Luận chép: Tuy có căn cảnh cho đến liền thành vô dụng: Đây là phát ngoại cứu, Kinh bộ chống chế rằng căn và cảnh nếu lúc phát thức gọi là ba thứ hòa hợp, lúc không phát thức gọi là sáu căn, sáu cảnh. Ngăn kia rằng: Mặc dù có căn, cảnh không phát ra thức có thể ba thứ hòa hợp, ngoài ra nói riêng căn cảnh, thức nếu lúc khởi chắc chắn nương gá căn, cảnh nếu có thức khởi tức là ba hòa, như thế nói ba thứ hòa hợp ngoài ra lại nói lục xúc? Luận chép: Các nhà nghiên cứu khác chống chế rằng cho đến đều lập làm xúc có kinh bộ khác, chống chế đây ý sư nói có căn, cảnh mà không sinh thức tức chẳng phải nhân của thức, thức có mà không nương căn, cảnh thì chẳng phải quả của căn, cảnh, nay xét kỹ giải thích này. Nếu vị lại thật có nghĩa này có thể đúng, nếu pháp hiện tại thì không có lý này. Mặc dù có xứ mà không có thức, không có thức chẳng y xứ. Vì thức sinh chắc chắn nương, căn cảnh để phát khởi, dường như là vị lai, đồng phần kia bất sinh cùng căn hợp thức đó là nghĩa đúng phải không.

9. Hữu bộ giải thích kinh:

Luận chép: Nói lìa ba thứ hòa hợp cho đến phát ra lạc v.v... ở hiện tại, đây là Hữu Bộ giải thích kinh, có hai giải thích, giải thích thứ nhất văn kinh mà bộ tôi tụng khác với đây, không nói ba pháp nhóm hợp hòa hợp gọi là xúc, giải thích thứ hai cho rằng ba pháp nhóm hợp hòa hợp sanh ra nhân xúc này, nay nói tên xúc là nhân, là lấy quả đặt tên, như nói Chư Phật xuất hiện sinh ra sự an vui nên gọi là lạc. Luận chép: Như thế lần lược cho đến có xúc riêng, kết văn Hữu Bộ ở trước, luận chép: Tức sau sáu xúc ở trước lại hợp thành hai, trở xuống thứ hai là nói hai xúc. Luận chép: Cho đến y theo sở duyên đặt tên này để giải thích hai xúc, có đối xúc tên đó (xúc) được lập từ sở y, sở dĩ vì y căn là có đối xúc, tăng ngữ xúc tên từ sở duyên lập bày. Trong cảnh sở duyên khác với năm thức không chỉ có nghĩa duyên, ý gồm duyên nên gọi là tăng ngữ, tăng ngữ gọi là tên, còn năm thức không duyên tên, ý thêm tên gọi là trưởng cảnh, đây là từ sở duyên trưởng cảnh làm tên. Rõ là màu xanh: là hiểu tên màu xanh tức là ý thức duyên khắp cả danh và nghĩa,

luận chép: có thuyết cho rằng ý thức cho đến y cứ vào sự tương ứng để lập, là nói về thuyết khác Sư này nói Ý thức duyên cảnh nhân ngữ làm tăng thượng nên mới duyên cảnh được, ý thức này gọi là tăng ngữ, xúc tương ứng với tăng ngữ nên gọi là tăng ngữ, đây là từ tương ứng gọi là tăng ngữ xúc.

10. Nói về tám xúc:

Luận chép: Tức sáu xúc trước cho đến thành tám thứ, trở xuống là thứ ba nói về tám xúc, trong đó có ba: Một là nói đẳng tương ứng xúc; Hai là ái, nhuế tương ứng xúc; Ba là thọ tương ứng xúc, luận chép cho đến vô phú vô ký. Ở đây nói thứ nhất là minh, vô minh, chẳng phải cả hai tương ứng ba xúc.

Luận chép: trong vô minh xúc cho đến cùng tương ứng, đây là thứ hai nói về ái, khuể xúc, tất cả nhiễm xúc gọi là vô minh xúc. Trong tất cả nhiễm ái, khuể thường hiện hành nên ở trong nhiễm nêu riêng hai chi này. luận chép: Nhiếp chung tất cả cho đến bất lạc, thọ, xúc, đây nói thứ ba thuận thọ xúc, ba thứ này năng dẫn sinh gọi là Thuận thọ, là giải thích thuận thọ. Ở đây có ba giải thích. Một là vì năng dẫn sinh thọ, nhân đối với xúc cảnh hoặc trái hoặc thuận, hai là vì lạc thọ... bị lãnh nạp, ba là có thể làm chỗ nương cho hành tướng của thọ, vì thọ khởi hành tướng nương vào xúc. Luận chép: Vì sao xúc làm chỗ nương cho hành tướng của thọ bị lãnh là hỏi lại hai thứ sau. Luận chép: Hành tướng rất giống xúc y xúc mà phát sinh, là đáp. Hành tướng rất giống xúc đã giải thích ở trên như thọ lạc... bị lãnh nạp, y xúc mà sinh là năng làm chỗ nương cho hành tướng của thọ. Như vậy hợp thành mười sáu thứ xúc, là tổng kết ở trên.

11. Giải thích chi Thọ:

Luận chép: Thọ nghĩa là gì? Trở xuống là thứ tư, giải thích chi thọ, trong đó có ba: 1. Giải thích chi thọ. 2. Nói ý cận hành. 3. Phân biệt nghĩa môn. Dưới đây thứ nhất là giải thích thọ. luận chép: Cho đến chỉ y chỉ tâm, đây là từ sáu xúc chia thành sáu thọ, sau y theo sở y hợp sáu thọ kia thành hai thọ, luận chép: Thọ sinh với xúc là sau hay đồng thời, là Kinh bộ hỏi. Luận chép: Sư luận Bà-sa cho đến vì đều có nhân, là Hữu Bộ trả lời. Luận chép: Thế nào là hai pháp cho đến nghĩa có thể thành lập là Kinh bộ trách, sinh đã đồng thời đối với pháp câu hữu thì làm sao có sắc. Thọ nếu chưa sinh xúc cũng chưa có làm sao sinh thọ, hoặc xúc đã sinh thọ cũng đã sinh, pháp đã sinh có công năng gì mà xúc sinh ra thọ, luận chép: Vì sao không lập là Hữu Bộ hỏi ngược lại Sư kinh bộ, luận chép: Vì không có công năng. Sư kinh bộ nêu ra không lập

nhân, luận chép: Đối với pháp đã sinh cho đến nói lại làm gì? Là Hữu Bộ trách Kinh bộ nhân và tông đồng, như nói âm thanh là vô thường vì sinh diệt, sinh diệt, là vô thường, nghĩa và ý không khác nhau làm sao tạo nhân nói là Vô thường tông. Ông nói hai pháp đồng thời sinh, tông là hai pháp đối nhau, không có công năng, nay ta hỏi ông không lập sở nhân lại trả lời trùng lập vì không có công năng, có khác gì với văn trước, lại nói không có công dụng. Luận chép: Nếu thế thì có lỗi sinh nhau, kinh bộ chuyển phá, hai pháp đồng thời sinh, làm sao làm nhân quả lẫn nhau. Nhân tức là quả, quả tức là nhân, không đúng đạo lý.

12. Hữu bộ trả lời:

Luận chấp nhận nên chẳng phải lỗi cũng làm quả lẫn nhau: Là Hữu Bộ trả lời, tông ta chấp nhận cả hai làm nhân quả lẫn nhau, nay xét kỹ lời đáp này không thuận với bốn văn, vốn tranh luận nghĩa súc sinh thọ, đó không phải cả hai sinh lẫn nhau, cùng nhân câu hữu ý nghĩa có khác, vì sao Hữu Bộ giải thích như thế? Nay giải thích nghi này vặn hỏi vốn hỏi nghĩa súc sinh thọ, mà nay ta liền phân biệt tranh luận nhân quả đồng thời, Hữu Bộ chấp nhận có, Kinh bộ không chấp nhận, cho nên Hữu Bộ dùng nhân câu hữu trả lời. Luận chép: Nhân tuy chấp chận như vậy cho đến thọ chỗ sinh súc, dưới đây Kinh bộ nêu ra lỗi thứ nhất là lỗi trái giáo, hai là lỗi trái lý, đây là lỗi thứ nhất trái giáo. Lại nghĩa này phi lý cho đến trước sau ý thức v.v... đây thứ hai nêu ra lỗi trái lý, luận chép: Nhân quả trước sau cho đến có sắc sở tạo là Hữu Bộ chống chế. Nhân quả gồm hai có khi đồng thời, có khi khác thời, như đoạn trước dẫn giáo lý tức là nhân quả khác thời, tông ta cũng chấp nhận có cực thành nhân quả đồng thời. Như mắt căn sắc cảnh đồng thời với thức, mà căn cảnh sinh thức, chẳng phải thức sinh căn cảnh, bốn đại, tạo sắc như bóng và mầm há chẳng phải đều có, mà mầm, đại chủng sinh bóng tạo sắc, chẳng phải bóng tạo sắc sinh mầm, đại chủng đây cũng có giáo lý, nay đã giải thích rõ, đây giải thích thuận với bốn văn, luận chép: Trong đây cũng thừa nhận cho đến lý nào có thể ngăn, là Kinh bộ, giải thích, bốn đại tạo sắc, năm thức nương căn, cũng chấp nhận trước sau lý nào ngăn được.

13. Hữu bộ dẫn pháp nhân quả đồng thời:

Luận chép: Như bóng và mầm há chẳng phải có đồng thời, Hữu Bộ không thể ngăn, giáo lý trước dẫn ra pháp nhân quả đồng thời. Luận chép: Có thuyết cho rằng sau xúc cho đến duyên xúc sinh thọ, là nêu tông kinh bộ là thượng tọa giải thích. Ý luận sư này nói. Thức của niệm sau nương niệm trước căn cảnh sinh, niệm thứ nhất căn, cảnh, niệm thứ

hai thức sinh tức là ngay lúc đó ba pháp hòa hợp tức xúc, xúc này tức dụng, ba hòa hợp mà thể lại không có pháp khác, đến niệm thứ ba mới sinh thọ. Nếu vậy lẽ ra thức cho đến chẳng phải đều là xúc, là Hữu Bộ nêu lỗi. Nếu vậy lẽ ra thức chẳng phải đều có thọ, lúc ba pháp hòa hợp và thức chưa sinh thọ, các thức lẽ ra cũng chẳng phải đều là Xúc. Trong giai đoạn thọ, vì thức không phải Xúc, không có lỗi như vậy thì không đâu chẳng phải là xúc, theo kinh bộ chống chế, thức khi xúc có thọ ở giai vị trước nên chẳng phải không có thọ, thức khi ở giai vị Thọ là xúc ở giai vị sau nên không đâu chẳng phải Xúc. Luận chép: Đây không đúng lý là Hữu Bộ bác bỏ, luận chép: Lý nào trái thuận là Kinh Bộ hỏi. Luận chép: Nghĩa là có lúc cho đến đồng duyên một cảnh hữu bộ nêu trái lý, nghĩa là có lúc trái thuận hai xúc khác nhau, trước sau cảnh sắc, thính khác nhau, do trước trái cảnh thọ vị duyên sắc xúc, sinh hậu thuận cảnh, duyên thính xúc thọ vị, đây là trái thuận khác nhau, đối tượng sắc thính khác nhau. Tánh mừng lo khác nhau, làm sao sanh nhau, hoặc lẽ ra chấp nhận tương ứng với thọ tâm này chẳng phải cùng tâm này đồng duyên một cảnh. Từ trái cảnh ở trước và duyên sắc cảnh xúc, sinh thuận cảnh sau và duyên cảnh thính lúc nhận lãnh xúc vị. tâm đã có ba thứ hòa hợp gọi là vị xúc sau, nên đồng với niệm sau thọ sinh cảnh không cùng niệm trước thọ đồng một cảnh, nếu chấp nhận lý này thì hoại nghĩa tương ứng. Luận chép: Vậy nếu chấp nhận cho đến đây có lỗi gì, là kinh bộ chuyển chấp, hoặc cảnh khác nhau thừa nhận thành xúc, thức không đi chung với thọ, chấp nhận thọ đi chung với thức, mà thể chẳng phải xúc, vì duyên khác nhau nên như thế, ở đây có lỗi gì? Luận chép: Nếu vậy thì liên hoại cho đến thường chung với tâm phẩm. Hữu bộ nêu lỗi, xúc và thọ là pháp đại địa, nó chắc chắn tất cả tâm phẩm hằng câu, vì sao nói có tâm không có xúc có tâm không có thọ, nó chắc chắn hằng câu y theo giáo nào mà lập, là Kinh bộ hỏi.

Luận chép: Y theo luận này mà thành lập, là Hữu bộ đáp. Luận chép: Chúng ta chỉ lấy cho đến phải nương vào kinh lượng, là Kinh bộ chống chế, trong đó có hai, một là không tin luận này, hai là giải thích văn luận này, đây là phần đầu. Luận chép: Nghĩa của pháp đại địa chẳng cần khắp các tâm, đây là thứ hai giải thích văn luận này. Trong luận này nói các pháp đại địa như thọ... nghĩa là chẳng cần trùm khắp tất cả tâm. Luận chép: Nếu như vậy. Vì sao gọi là nghĩa của pháp đại địa, là Hữu Bộ trách, như ta đã giải thích khắp tất cả tâm gọi là pháp đại địa. Nếu không cần khắp hết tất cả tâm thì sao gọi là pháp đại địa được, luận cho là có ba địa cho đến gọi là pháp đại địa, là kinh bộ trả lời, có ba thứ

ba địa. Hoặc pháp khắp ba thứ ba địa này gọi là pháp đại địa, chẳng cần khắp tất cả tâm phẩm, luận chép: Hoặc pháp chỉ đối với cho đến chẳng phải vốn đã tụng, nương đó mà nói về thiện đại địa v.v... Đại bất thiện địa là nay đã tăng chẳng phải luận này trước có, luận chép: Hoặc đối với xúc sau cho đến chung khởi thọ tưởng tư. Vì Kinh bộ không tin luận này, nên Hữu Bộ nêu ra lỗi trái kinh. Theo kinh nói thì ba thứ hòa hợp chung khởi thọ, tưởng, tư, vì sao nói lúc xúc thọ khác nhau.

15. Kinh bộ giải thích kinh:

Luận chép: Chỉ nói chung khởi cho đến vì sao trái nhau cần giải thích, là kinh bộ giải thích kinh, trong đó có hai một là đều chẳng phải nói không trái kinh, hai là vì giải thích chung, đây là phần đầu, kinh chỉ nói chung khởi thọ, tưởng, tư, chẳng nói xúc câu, đây là trước khi thành lập xúc chung khởi niệm sau thọ tưởng tư nên kinh chẳng chứng minh, luận chép: Lại đối với Vô gián cho đến nên nó chẳng chứng, là thứ hai, giải thích kinh. Dù cho ông xúc khởi thọ, tưởng, tư là xúc cùng thọ v.v... chung nghĩa, đều có hai thứ, có đồng thời chung, có Vô gián khởi cũng gọi là câu. Như kinh nói từ chung hạnh tu niệm chi giác, từ là tâm hữu lậu, chi giác là tâm vô lậu, Từ, chi giác chung cho nên biết trước sau chẳng đồng thời, xúc thọ nói chung nghĩa cũng như thế.

16. Hữu bộ lại dẫn kinh chứng minh:

Luận chép: Nói như vậy vì sao cho đến lúc lia thọ v.v... Hữu Bộ lại dẫn kinh chứng minh, đã nói xen lẫn nhau thì biết là đồng thời. Luận chép: Nay lẽ ra xét tư cho đến nói như thế, là kinh bộ hỏi về bất định, kinh có cả hai cách giải thích đồng một Sát-na, đồng duyên một cảnh, đều được nói xen lẫn. Đây nói xen lẫn là xen lẫn cái gì. Đối với thọ và noãn cho đến chắc chắn y theo Sát-na, Hữu Bộ dẫn thí dụ chứng minh là Sát-na trong đó có hai: Một là dẫn thí dụ chứng minh, hai là trách trái kinh, đây là phần đầu, thọ và noãn đều nói xen lẫn, nên biết tạp này cũng là Sát-na, theo Khế kinh nói cho đến mà không gọi là xúc, đây là thứ hai trách trái với kinh. Theo kinh thì ba pháp hòa hợp làm sao xúc thọ? vị thức chẳng phải ba thứ hòa hợp, thọ vị ba thứ hòa hợp mà không gọi xúc vì thế lẽ ra chấp nhận thọ v.v... sinh chung là tổng kết tông Hữu Bộ.

Luận chép: Nói phụ đã xong nên nói về nghĩa chánh, trở xuống nửa bài tụng, phần thứ hai là nhất tâm thọ để làm mười tám ý cận hành. Luận chép cho đến nói về nương trước khởi sau, có bài tụng này lại thành mười tám, là nương trước chia thành sáu thọ và chia thành hai thọ, đây lại chia thành mười tám cho nên nương trước khởi sau, luận chép: Ý

này cận hành mười tám là gì? Hỷ, ưu xả mỗi thứ có sáu cận hành là đáp. Ba thọ này đều duyên sáu cảnh chia thành sáu cận hành cộng chung mười tám. Luận chép: Đây vì sao cho đến làm sở duyên, đây là trách chia thành mười tám lý do, y theo đây có ba câu hỏi, hoặc do tự tánh chỉ nên có ba, hoặc do tương ứng lẽ ra chỉ có một, hoặc do sở duyên nên chỉ có sáu. Đây thành mười tám đầy đủ do ba, do tự tánh nên chia thành ba thọ, vì chỉ có ý tương ứng, chỉ chấp ba pháp hỷ ưu, xả, không chấp khổ vui, do sở duyên nên chia thành sáu loại, do mười tám pháp này không thêm không bớt, trong đó mười lăm cho đến đều có cả hai thứ, là nói tạp duyên không tạp duyên. Hỷ v.v... đều có cảnh duyên riêng nên gọi là không duyên xen lẫn, hoặc duyên thức cảnh pháp trần cũng gọi là không duyên pháp xen lẫn ý cận hành. Nếu hai hợp duyên cho đến năm, sáu hợp duyên đều gọi là pháp tạp duyên ý cận hành. Luận chép: Ý cận hành gọi là gì? Là hỏi, luận chép: Theo truyền thuyết hỷ v.v... cho đến thường du hành, là đáp, vì truyền thuyết hỷ v.v... ý là cận duyên đối với số du hành trong các cảnh, tức là ý và hỷ v.v... dùng làm cận duyên vì hỷ... đối với cảnh thường du hành, hỷ v.v... gọi là ý cận hành.

17. Nói về thuyết khác:

Luận chép: Có thuyết cho là hỷ v.v... cho đến thường du hành là nói về thuyết khác đây là hỷ... làm duyên gần cho ý, khiến cho ý đối với cảnh thường du hành nên gọi là ý cận hành. Theo luận Bà-sa quyển một trăm bốn mươi chín có ba giải thích, hai cách giải thích đồng với luận này, cách thứ ba giải thích rằng, lại nương ý gồm cảnh mà hiện hành gọi là ý cận hành, lại đối với cảnh mạnh mẽ lạnh lợi thường thích phân biệt nên gọi là Hành. Theo Luận Chánh Lý thì hỷ v.v... có công năng làm duyên gần vì mà cho ý và cảnh thường du hành. Hoặc nói hỷ v.v... ý làm cận duyên, đối với cảnh thường hiện hành gọi là ý cận hành thì lẽ ra tướng v.v... cũng được gọi tên này tương ứng ý do ý hiện hành.

Hỏi vì sao thân thọ chẳng phải ý cận hành, là hỏi luận chép: chẳng phải chỉ nương vào ý cho đến nên cũng chẳng phải hành, là đáp. Y theo văn mà trả lời này do nương vào ý nên gọi là Cận, phân biệt nên gọi là Hành, luận chép: Tĩnh lự thứ ba cho đến vì sao không nhiếp? Thứ ba là định lạc, chỉ nương ý nên lẽ ra gọi là cận, ý phân biệt nên gọi là Hành, vì sao không gọi là ý cận hành? Luận chép: Theo truyền thuyết giới ban đầu cho đến ý cận hành là đáp, có hai giải thích, một là do giới ban đầu là không, hai là do vô đối gốc khổ ý cận hành, luận chép: Nếu chỉ có ý địa cho đến nói rộng như kinh, đây là gạn hỏi trái với kinh.

18. Giải thích kinh:

Luận chép: Dựa vào năm thức thân cho đến chỉ thuộc ý địa, dưới đây là giải thích kinh trong đó có ba đây là giải thích thứ nhất, lời văn rất dễ hiểu. Lại kinh ấy nói cho đến không nên vận hỏi, thứ hai là kinh tự phân biệt Kinh nói khí mắt thấy sắc thì nên biết là ở ý, không nên gạn hỏi, luận chép hoặc dù không thấy cho đến tùy nói rõ ràng, thứ ba là nói kinh nói các bộ khác trong đó có hai, một là y cứ vào minh liễu, đều không thấy, nghe v.v... cũng khởi cận hành như sắc v.v... hai là thấy sắc rồi cũng cho khởi các cận hành như thanh v.v... đây là giải thích đầu. Tùy nói minh liễu thì thấy sắc rồi khởi duyên sắc ý cận hành, chẳng gọi là khởi duyên sắc v.v... ý cận hành, đều vì thấy nghe, hoặc không như vậy thì phải thấy nghe v.v... sau mới khởi, trong cõi Dục không thấy sắc ở cõi Sắc và không nghe tiếng ở cõi Sắc, không xúc chạm xúc ở cõi Sắc, lẽ ra không duyên ba thứ ý cận hành kia. Trong cõi Sắc không có tỷ thức, thiệt thức. Mặc dù có thân thức nhưng không thể duyên với xúc ở cõi dưới, nên không duyên ý cận hành như hương, vị xúc v.v...

Luận chép: Thấy sắc rồi v.v... cho đến căn cảnh nhất định, đây là thứ hai y theo không tạp loạn, luận chép: Là có sắc v.v... cho đến một cận hành chẳng? Là hỏi, có khi chỉ có một sắc chỉ sinh hỷ, thọ, hoặc chỉ sinh ưu, hoặc chỉ sinh xả chẳng? Luận chép: Có khi y theo nối tiếp, chẳng y theo theo sở duyên là đáp. Y theo người có khác, nghĩa là người đối với cảnh có trái thuận khác nhau, ở đây khởi hỷ không khởi ưu v.v... hoặc xét theo sở duyên thì có cả ba. Luận Bà-sa quyển bốn mươi chín chép. Hỏi đều có sắc v.v... chắc chắn thuận với hỷ, cho đến chắc chắn thuận xả chẳng? Đáp: Y theo sở duyên cho nên không, ý nối tiếp nên nghĩa là có sắc v.v... hoặc thời gian vừa ý, hoặc không khả ý, hoặc đối với kia vừa ý, đối với đây không khả ý, với chỗ khác chẳng phải vừa ý, chẳng phải không vừa ý.

Có thuyết cho rằng sắc v.v... đối với thân phẩm thuận hỷ, với oán phẩm thuận ưu, với trung phẩm thuận xả. Theo Luận Chánh Lý thì tục sinh, qua đời, chỉ có xả cận hành, chẳng có ưu và hỷ, vì xả nhậm vận mà được và thuận với vị kia (thuận qua đời) chỉ có tạp duyên các xả cận hành có thể lìa nhiễm, vì ý cận hành chỉ có hữu lậu (nếu có cả vô lậu thì có duyên diệt không có pháp tạp duyên niệm trụ dứt hoặc) chỉ có xả chẳng có thứ khác (hữu lậu Vô gián và tám pháp giải thoát trước, vì ở định vị chí) trong các đạo gia hạnh cũng có hỷ cận hành, chẳng thuộc Vô gián, giải thoát, định căn bản đạo, giải thoát sau cùng chấp nhận có hỷ cận hành (người nhập căn bản có hỷ ý cận hành).

19. Nói rộng về nghĩa môn:

Luận chép: Có bao nhiêu lệ thuộc ở cõi Dục trong ý cận hành: Trở xuống là thứ ba, là nói rộng về nghĩa môn, trong đó có hai, một là môn giới địa thể duyên, hai là môn hữu lậu. Vô lậu, hai hàng rười tụng này là môn thứ nhất. Luận chép: Cho đến năm sở duyên, là giải thích ý cận hành cõi Dục và duyên ba cõi nhiều ít ở cõi Dục, vì cõi Dục có đủ ba thọ, có đủ mười tám ý cận hành, có sáu cảnh duyên, cảnh cõi Dục cũng có mười tám, ý thức ba thọ ở cõi Dục, đều có thể duyên riêng bốn cảnh ở cõi Sắc nên có mười hai, vì ở cõi Sắc không có hương vị nên không có hương vị mỗi loại có ba, ba thọ ở cõi Dục đều dung được duyên với pháp xứ cõi Vô Sắc, cho nên có ba, do cõi Vô Sắc không có năm cảnh cho nên thiếu mười lăm. Luận chép: Nói cõi Dục hệ là pháp cận hành, nói về cõi Sắc sơ định, nhị định thể duyên, vì địa này có hai thọ hỷ, xả. Cõi dục có đủ sáu cảnh, duyên đủ mười hai cảnh ở cõi Dục, cõi Sắc không có hương vị nên duyên chỉ có tám, trong cõi Vô Sắc chỉ có pháp xứ, chỉ có hai pháp cận hành hỷ, xả. Luận chép: Tam thiền, Tứ thiền cho đến là pháp cận hành, nói về tam định, tứ định, đối với định này đại ý chỉ có thọ xả, dụng thọ duyên cõi Dục nên chỉ có sáu. Hoặc duyên cõi Sắc thì chỉ có bốn, nghĩa là trừ hương vị, cõi Vô Sắc chỉ có một xả pháp cận hành.

Luận chép cõi Sắc hệ cho đến chỉ có một đó là pháp: Là nói cõi Vô Sắc không xứ cận phần ý cận hành, ở đây có hai thuyết, một là chấp nhận duyên riêng, hai là không chấp nhận duyên riêng. Nếu chấp nhận duyên riêng có chung bốn xả ý cận hành, hoặc không duyên riêng chỉ có một pháp tạp duyên xả cận hành, bốn địa căn bản như văn sau sẽ nói là nói về bốn thứ căn bản ở cõi Vô Sắc, đồng với ba biên ở trên.

Ở đây ý cận hành có cả vô lậu hay chẳng? Dưới đây thứ hai là nữa bài tụng, là môn lậu, vô lậu, trong Văn xuôi nói về thành tựu bao nhiêu môn, luận chép cho đến chỉ là hữu lậu, đây là nói chỉ có hữu lậu. Luận Chánh Lý giải thích rằng: Vì sao? Vì nuôi lớn hữu các pháp vô lậu trái với đây, có thuyết cho rằng cận hành hữu tình đều có, vô lậu không phải như vậy nên chẳng phải cận hành. Có thuyết nói vì Thánh đạo nhập vận mà chuyển, thuận với giới vô tướng, chẳng phải thể cận hành, vì cận hành trái với thể này, luận chép: Cái gì thành tựu bao nhiêu ý cận hành? Trở xuống là nói về thành tựu, trong đó có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là phá Hữu Bộ, đây là phần đầu. Luận chép: Nghĩa là sinh cõi Dục cho đến chỉ có nhiễm ô, là nói người sinh cõi Dục chưa được tâm thiện ở cõi Sắc thì chưa đắc định, đối với cõi Dục thành đủ mười tám giới thành thiện nhiễm. Nếu thành cõi trên chỉ là nhiễm ô, thành hoặc

trên, thì nhiệm không duyên cõi dưới.

Do sơ định, nhị định này chỉ có tám pháp hỷ xả, vì duyên bốn cảnh ở giai vị của mình, định thứ ba, định thứ tư chỉ có xả, vì duyên bốn cảnh tự địa ba là bốn định bốn duy xả duyên bốn cảnh. Bốn là cõi Vô Sắc chỉ có một xả, vì duyên một pháp đều không duyên cõi dưới chỉ có nhiệm ô, là giải thích lý do.

Luận chép: Nếu đã đắc được cho đến như thế nên biết, nghĩa là đã đắc được tâm thiện ở cõi Sắc, sơ định có mười đó là xả sáu hỷ bốn chưa lìa tham dục có gốc lo nên muốn thành tất cả, địa trên có nhiều ít thường như văn trước đã nói. Theo Chánh Lý trong cõi Dục... đều được rõ ràng duyên không lệ thuộc. Luận chép: Nếu sinh về cõi Sắc nghĩa là có cả quả tâm, là nói cõi Sắc thành dục một sinh cõi Vô Sắc, định không thành cõi dưới nên lược qua không nói, thành sắc nhiều ít y theo văn trước nên biết, vì vậy không trình bày lại. Có thuyết cho rằng như thế cho đến nghĩa kinh có khác.

Thứ ba Luận chủ giả lập ra thuyết khác để phá Hữu Bộ, luận chép: Vì sao? Là Hữu Bộ lại hỏi. Luận chép: Chẳng phải đối với địa này cho đến ý cận hành kia là Luận chủ đáp, chỉ có thọ nhiệm ô, vừa ý lôi kéo nhau thường hành cảnh giới gọi là ý cận hành.

Thiện, vô ký: Vì không có năng lực dẫn ý lôi kéo nhau thường hiện hành cảnh giới, chẳng phải ý cận hành, luận chép: Vì sao cùng ý dẫn nhau thường hiện hành? Là hỏi. Luận chép: Hoặc ghét hoặc thương không chọn, bỏ, là đáp, luận chép: Vì đối trị nó cho đến biết pháp cũng vậy, đây là dẫn chứng. Đã sáu pháp hằng trụ đối với ba pháp hỷ, ưu, xả kia, nên biết ba pháp này chỉ có nhiệm ô, cùng ý dắt nhau thường hành cảnh cho nên trị kia gọi Trụ.

Luận chép: Chẳng phải A-la-hán cho đến nên nói rằng: Chứng chỉ có nhiệm, A-la-hán có sáu hằng trụ, không có cảnh thường hiện hành. Cho nên biết bậc A-la-hán đối với thiện hỷ xả chẳng phải ý cận hành.

20. Lại dẫn kinh chứng minh:

Luận chép: Lại tức hỷ... cho đến là các thiện thọ, lại dẫn kinh để chứng minh, chữ Đẳng là đẳng chấp ưu, xả. Ba pháp này hoặc nhiệm ô duyên sắc v.v... sáu thành mười tám mê đấm. Nếu ba pháp này khéo duyên sáu thứ như sắc v.v... thì thành mười tám xuất ly, hợp thành ba mươi sáu. Đây là lời do Đại sư nói, người khác chẳng thể nói, được nên gọi là đại sư cú, thiện thọ đã chẳng phải đam mê, là nói chẳng phải cùng ý lôi kéo nhau sở hành cảnh, luận Bà-sa quyển bốn mươi sáu nói sáu pháp hằng trụ, quyển một trăm ba mươi chín, một trăm chín mươi

nói sự mê đắm thọ. Luận Chánh Lý chống chế rằng: Làm sao chắc chắn biết đối với các cảnh giới hoặc thương hoặc ghét, hoặc không chọn xả mới là cận hành, chẳng phải như trước nói các người lìa dục, hoặc A-la-hán, đối với việc hữu lậu mặc dù dứt hoàn toàn mà có các hiện hành hữu lậu hỷ v.v... không gọi là cận hành ở đây có lý gì? Lại do duyên gì? Chỉ có sáu hằng trụ, lìa bỏ sở trị như tham v.v... tương ưng tạp nhiễm hỷ v.v... mới gọi là cận hành, chẳng phải các hữu lậu như thiện, hỷ... lại kia tự nói khác nhau rằng: Chẳng phải nhiễm cận hành chắc chắn có cực thành, nghĩa là kia tự nói chỉ là ngăn dứt nhiễm cận hành thì chắc chắn có cực thành nghĩa là kia tự chỉ vì ngăn dứt tạp nhiễm cận hành cho nên nói rằng: Tức là vì chấp nhận có chẳng phải nhiễm cận hành chẳng phải sáu hằng trụ chính là ngăn dứt.

Luận Bà-sa nói cận hành chẳng trái với Chánh Lý và kế kinh, lại các hữu lậu đều gọi là tạp nhiễm, đã chấp nhận tạp nhiễm đều gọi là cận hành, có gì trái với tông nghĩa này? Luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi chín chép nếu sinh sơ định thành tựu một pháp xả ý cận hành ở cõi Dục, tức thông quả chung, vì đều duyên sắc v.v... làm đối tượng có thuyết cho rằng thành tựu ba pháp là sắc, thanh, pháp xả ý cận hành. Tâm này hoặc duyên đã khởi thân biểu, tức có duyên sắc xả ý cận hành, nếu tâm này duyên sở khởi ngữ biểu thì có duyên thanh xả ý cận hành. Nếu tâm này duyên sở biến hóa ra, do vì duyên chung, nên có duyên pháp xả ý cận hành. Có thuyết cho rằng thành tựu sáu cận hành xả thì chung với thông quả tâm, tâm này dung nạp có duyên chung riêng. Nay xét kỹ ba giải thích y theo nghĩa khác nhau không trái nhau. Sư thứ nhất y theo tâm hòa sự chỉ có pháp xả cận hành, vì tâm không chỉ duyên một đối tượng, sư thứ hai nói y theo tâm hóa sự và phát thân nghiệp, ngữ nghiệp tâm vì chỉ duyên sắc thanh, Sư thứ ba nói có cả sáu cận hành, chung với thủ hóa sự, phát nghiệp và tâm thông quả khác, cũng dung chứa duyên riêng sáu cảnh giới, có người nói rằng: Luận sư thứ nhất là đúng, Sư nói ý phát nghiệp tâm cũng gồm duyên năng tạo xúc là sai, nếu năng tạo xúc cũng là tâm duyên khởi hai nghiệp thiện, ác, so sánh cũng nên như vậy, lẽ ra đồng sở tạo, có cả thiện ác.

21. Nói lược về chi thọ:

Luận chép: Đã nói vô lượng sự khác nhau như thế, là nói sơ lược về chi thọ, hoặc phân biệt đầy đủ vô lượng sự khác nhau, vì sao không nói các chi khác, dưới đây chỉ văn khác nhau. luận chép: Cho đến phẩm Tùy Miên sẽ nói, chỉ cho văn còn lại. Luận chép: Các duyên khởi, này lược lập làm ba: Dưới đây có hai hàng nêu thí dụ để nói rõ. Luận chép:

Cho đến phiền não nghiệp sự, trong đó phiền não gồm có năm, dụ văn luận này là thí dụ thứ nhất, luận chép: Như ao rộng tràn giữ cho đến nổi tiếp vô cùng: là thí dụ thứ hai như gốc cỏ chưa chỗ cho đến đường chết, diệt lại khởi là thí dụ thứ ba, như thân cây cho đến thường khởi việc hoặc nghiệp là dụ thứ tư. Như trong lúc có hạt cho đến nên biết như thế là dụ thứ năm như lúc có vỏ cho đến lúc đều là quả dị thực, lời văn rất dễ hiểu. Việc duyên khởi phiền não nghiệp như vậy, một bài tụng sau đại văn phần thứ chín nói có các nghĩa khác.

Luận chép: Cho đến không thắm nhuần công năng, đây là nói sinh chỉ có nhiệm ô, nhưng chung tất cả. Nếu sinh cõi Dục thì có ba mươi sáu, cõi Sắc, Vô Sắc đều có ba mươi một, đều có thể kết sinh, không phân biệt thượng duyên, duyên vô lậu. Song các hết duyên đến khi việc khởi triển cấu, ý nói trừ các triển cấu tùy miên khác, không thể hết sanh. Luận chép: Tuy ở trong vị này cho đến phiền não hiện khởi, là nói tâm tuy mờ tối yếu kém, ở vị kết sinh, nhưng do năng lực thường huân tập tà kiến... các hoặc đều năng hiện khởi. Luận chép nên biết trung hữu cho đến giống như sinh hữu, đây là nói trung hữu kết sinh Sát-na đồng với sinh hữu. Luận chép: Nhưng ba hữu còn lại cho đến thiện nhiệm vô ký, là nói ba hữu còn lại có cả ba tánh. Đối với cõi Vô Sắc cho đến có thể lập trung hữu, là nói lý do cõi Vô Sắc không có trung hữu. Luận chép: Trong bài tụng không nói cho đến chấp nhận có bốn hữu, là giải thích ý bài tụng.

22. Nói về bốn thực:

Luận chép: Hữu tình duyên khởi đã nói rộng. Trở xuống ba hàng tụng là đại văn thứ hai, nói về bốn thực. Luận chép: Cho đến do ăn uống mà tồn tại. Ở đây nói bốn thực là do Phật nói.

Luận chép: Hỏi Bốn thực là gì? Là hỏi. Luận chép: Thực có bốn thứ đến bốn thức nêu bốn tên gọi. Đoàn có hai thứ, Hán dịch là thô, đây là giải thích đoàn thực, là trong đó có ba: Một là hỏi thô tế; Hai là nói (giới hệ) phạm vi ràng buộc; Ba là nói thể tánh (bản chất) gồm giải thích tên, đây là phần đầu. Côn trùng ở chỗ dơ bẩn, đó là ở bờ nước dơ bẩn ẩm ướt mà sinh tức là tế thấp sinh ra côn trùng, vẫn còn lại rất dễ hiểu. Luận chép: Như thế đoàn thực cho đến sinh lên cõi trên, đây là văn thứ hai nói rộng về phạm vi ràng buộc. Theo Luận Chánh Lý thì chẳng phải thân cõi trên nương duyên ngoài mà tồn tại, ở cõi Sắc tuy có công năng lợi ích đại chúng chẳng phải đoàn thực, như chẳng phải dục hấp dẫn. Như trong cõi Sắc tuy có sắc hấp dẫn, thính, xúc cảnh mà không dẫn sinh tham tăng thượng nên không gọi là dục hấp dẫn. Mặc dù

có tốt đẹp vượt hơn như thế năng làm lợi ích cho xúc mà không bao giờ có ăn nuốt phần đoạn nên chẳng phải đoàn thực, tuy không thuộc đoàn thực mà chẳng phải không có nghĩa thực như hỷ tuy không nằm trong bốn thực mà kinh nói vì ăn uống mà có nghĩa ăn.

23. Nói về đoàn thực:

Như Khế kinh chép: Ngã thực, hỷ thực, do hỷ thực trụ lâu như tầng trời Cực Quang Tịnh, nếu như vậy cõi Dục cũng nên chỉ có miệng cắn ra từng đoạn ăn nuốt mới gọi là đoàn thực, không như vậy thì sự nhai nuốt ở cõi Dục là cửa, ngoài ra có thể theo tướng này mà đặt tên, chẳng phải đối với cõi Sắc ít có nhai nuốt, có thể khiến cho các xúc lấy đó làm tên, vì vậy hai cõi không có lỗi tướng loại. Nếu người sinh ở châu Câu-lô thuộc phía Bắc lia nhai nuốt từng miếng, tuổi thọ cũng đâu có dứt hoại, tuy không dứt hoại mà thân sở y, hình sắc mệt mỏi tổn khổ làm sự sống còn. Nếu như vậy vì sao cõi kia nhờ ăn uống mà tồn tại, mùi hương v.v... là thức ăn chẳng cần nhai nuốt, định cõi đó thương người hương thơm như ý, hoặc xúc chạm diệu xúc như luồng gió đáng ưa v.v... Lại trong thân kia có công năng làm lợi ích về hơi ấm (noãn) hoặc chẳng phải cõi Dục đều từ đoàn thực, cũng chẳng phải đoàn thực chắc chắn chỉ có ở cõi Dục, từ nhiều y theo vượt hơn nên nói rằng cõi dưới có cõi trên không, chẳng nên vặn hỏi, luận chép: Chỉ có cõi Dục ràng buộc cho đến thọ từng phần lãnh, là nêu ba đưa ra thể gồm giải thích tên gọi.

Luận chép: Ánh sáng, bóng, nóng, lạnh mà sao thành thức ăn? Nếu hương, vị, xúc ở cõi Dục hệ đều là đoàn thực, lại nói khẩu, tử thọ từng phần lãnh, ánh sáng, bóng, nóng bức, mát mẻ đã không có nghĩa miệng, mũi thọ từng phần mà sao thành thức ăn? Là nói không phân biệt, luận chép: Theo truyền thuyết lời nói này cho đến như tầm gọi v.v... có hai giải thích lời văn rất dễ hiểu, luận Chánh Lý chép: Nhưng thể của đoàn thực phân biệt có mười ba, do xứ gồm thân chỉ có ba thứ, đó là ba pháp hương, vị, xúc ở cõi Dục, tất cả đều là tự thể của đoàn thực, vì có thể thành đoạn riêng mà nhai nuốt, cho đến các loại thức uống... cũng gọi đoàn thực, vì đều có thể phân ra từng miếng mà thọ dùng. Chẳng lẽ không tìm cầu thức ăn để trừ đói khát, vì sao đói khát cũng là thực? Vì hai thứ này cũng đối với căn, đại có thêm lợi ích, như xoa bóp... lại đối với ăn uống không có tâm mong muốn thân liền mệt mỏi tổn hại nên cả hai cũng gọi là thực, có đói khát mới gọi là vô bệnh, cho nên vì việc ăn mà hai thứ này là vượt hơn (mười ba việc là mười một loại xúc và hai cảnh hương, vị).

24. Nói sắc chẳng phải lý do của thực:

Luận chép: Sắc cũng có thể thành cho đến vì sao chẳng phải thực, đây là hỏi sắc chẳng phải lý do của thực. Luận chép: Ở đây không thể làm lợi ích cho đến vì cảnh đều khác, lúc duyên với mùi thơm v.v... làm lợi ích tự căn, lúc thấy sắc không có lợi cho căn thì chẳng phải thực. Trước lợi ích cho tự căn, sau đến thân khác có thể gọi là Thực, còn không thể ích lợi tự căn, đại chủng, hưởng chi có thể đến các loại khác. Nói giải thoát là người đã lia dục, vì có lúc thấy sắc mà không thêm lợi ích, giải thích chung hàng phục sự vặn hỏi. Luận Chánh Lý chép: Vì sao sắc xứ không gọi là thực, vì không cho đến thủ căn sở hành. Do Khế kinh nói, đoàn thực chẳng ở trong tay, trong món đồ đựng có thể thành việc ăn, phải đưa vào mũi, miệng răng lưỡi nhai, thấm nhuần chất dịch đưa vào thực quản, đẩy xuống năm tạng, dần dần tiêu hóa, dịch vị thấm thành nước chảy đến các mạch, hấp thụ nuôi dưỡng các tế bào mới gọi là thực, lúc này mới thành việc ăn. Hoặc ở tay, vật dụng lâu lúc đó làm tên, như trời trao tên gọi Na-lạc-ca v.v... tuy dứt từng phần đó đều được gọi là thực, mà lúc thành thực thì có hương, vị, xúc, vì lúc ấy chỉ có đây là căn cảnh. Nếu dứt từng phần đều gọi chung là thực, âm thanh không tương ứng lẽ ra cũng là thực, chẳng phải âm thanh v.v... vật ở trong đoàn kia có thể như hương... cũng gọi là thực, vì không nối tiếp không có hình đoạn, chẳng phải vật không có hình đoạn, không có vật nối tiếp để giữ gìn thân có thể thành việc thực (ăn).

Làm sao biết sắc xứ chẳng phải thực, trong thân có công năng làm lợi ích cho căn, đại, như hương, vị, xúc không có cái thấy riêng. Lúc ấy không sinh cảnh thức kia, nếu vậy vì sao đối với Khế kinh khen ngợi đoàn thực có đủ sắc, hương, vị khiến cho ưa thích gồm cả khen ngợi trợ duyên, như cũng khen ngợi lời cung kính, bố thí, đầu thể ngay sự cung kính cũng gọi là đoàn thực, có đủ chánh duyên và trợ duyên, như có khi khen ngợi rừng hoa có hoa, quả, bóng, nước, đầu thể bóng và nước cũng tức là rừng. Lại nêu sắc tướng tiêu biểu hương, vị, xúc cũng tốt đẹp đáng ưa thích nên nói như vậy, vì sao trong kinh không ngợi khen thực có xúc? Vì khen có xúc, chẳng phải có tiếp xúc cái xấu có sắc tốt đẹp nên tiếp xúc tốt đẹp không nói tự thành, chỉ có xúc xứ là thật thể của Thực, khen ngợi thể của thực này có sắc, hương, vị. Nên kinh nói thể của thực không có thiếu bớt.

25. Nói về thể của ba thực:

Luận chép: Xúc là ba thứ hòa hợp cho đến cả ba cõi đều có, là nói thể của ba thực và giới hệ (phạm vi ràng buộc). Luận chép: Vì sao thể của thực không có vô lậu là đồng lý do? Luận chép: Sư Tỳ-bà-sa

chép cho đến diệt các cõi là nêu Sư luận Bà-sa đáp. Luận chép: Lại Khế kinh nói cho đến chẳng phải thể của thực là nêu thể để đáp luận chép: Nói Bộ-đa cho đến gọi là gì? Là hỏi. Luận chép: Trong mục này có cho đến nói trung hữu, là đáp. Cầu sinh là một trong năm tên gọi của trung hữu. Thế nào là năm? Là hỏi năm tên? Luận chép: Một là ý thành cho đến tạm thời khởi, là đáp năm tên. Luận chép: Như Khế kinh nói cho đến khởi là trung hữu, đây dẫn kinh nói trung hữu gọi là Khởi, có hoại tự thể khởi nghĩa là chết có hoại vốn có tự thể trung hữu khởi, có hoại thế gian sinh đó là pháp vô tình, nhân diệt quả sinh. Lại kinh nói hữu là câu bốn lại dẫn kinh để chứng minh, hai kinh này đều chứng minh trung hữu gọi là khởi, theo Luận Chánh Lý thì thể của bốn thứ thực như thế đều có mười sáu việc, mười sáu việc đó là xúc có mười một, hương vị là hai, thêm ba là xúc, tư, thức Luận Chánh Lý nói tư thực chỉ tương ứng với ý thức chỉ ba thực sau gọi là hữu lậu, nói lên ba pháp như hương v.v... sau không xen lẫn vô lậu. Vì sao vô lậu xúc v.v... không phải thực, thực nghĩa là năng dẫn dắt năng giúp đỡ các cõi, là chỗ đáng nhàm chán đáng dứt ái lớn lên. Vô lậu tuy giúp cho người khác bị dẫn vào các cõi mà tự nó không có dẫn dắt, không có công năng, chẳng phải là nơi nhàm dứt ái lớn lên, cho nên không xếp vào bốn thứ thực, tức do nhân này trông mong giới địa khác, mặc dù pháp hữu lậu cũng chẳng phải thể của thực. Tha giới địa pháp tuy cũng là nhân, năng trợ giúp hiện hữu, mà không thể làm nhân dẫn sinh hậu hữu nên không gọi là Thực.

Các pháp vô lậu ở hiện tại tuy có thể làm nhân giúp cho căn, đại chủng, mà không thể làm nhân dẫn sinh hậu hữu, mặc dù tạm thời làm nhân giúp cho căn, đại chủng, nhưng vì dục thành rồi thù thắng nương sự mau chóng thẳng đến Niết-bàn, dứt hẳn các cõi. Tự địa hữu lậu lúc hiện ra trước giúp cho hiện tại khiến tăng thêm công năng nhận lấy thân hậu hữu. Do đó giải thích đoàn thực là nhân nhận lấy thân hậu hữu, nghĩa là lúc các thức như xúc v.v... dẫn sinh hậu hữu, cũng dẫn dắt nội pháp như hương v.v... ở đời tương lai. Hương trong hiện tại v.v... trợ giúp xúc... làm nhân dẫn sinh đương hữu, cũng có thể tự chấp lấy hương v.v... ở đời đương lai làm quả đẳng lưu, do đó đoàn thực và nhân hậu hữu đồng một quả, cũng có thể dẫn sinh các cõi nên gọi là Thực, nhưng thể loại của hương, vị, xúc có ba đó là dị thực sinh, đẳng lưu và nuôi lớn. Do hương bên ngoài v.v... cảm giác phát trong thân, nội hương, vị, xúc tạo thành việc thực vì thế thực nói kia chắc chắn thành. Luận chép: Lại Bộ-đa cho đến gọi là Cầu Sinh, là nói các chấp khác nhau.

26. Nói về các thứ thực:

Luận chép: Có mấy thực có công năng làm cho cho đến câu sinh hữu tình, là hỏi trong bốn thứ thực này có bao nhiêu thực có thể làm cho thêm lớn đến quả A-la-hán, mấy cách ăn có thể giúp cho các loại hữu tình thêm lớn. Sư Luận Tỳ-bà-sa nói cho đến duyên già chết, trở xuống là nói hai loại do đều nhờ bốn thực mà tồn tại, các hữu ái cũng do đoàn thực giúp cho đương hữu, dẫn lời Đức Thế tôn dạy bốn thực đều duyên già chết, ý trong đây chứng minh đoàn thực cũng dẫn sinh đương hữu, như ở trước dẫn luận Chánh Lý để giải thích, đoàn thực giúp cho hiện tại cũng giúp cho đương lai.

Luận chép: Cũng thấy tư thực cho đến lúc vọng dứt liền chết, trở xuống là nói tư thực dẫn sinh đương hữu cũng giúp cho hiện tại, dẫn hai việc chứng minh, lời văn rất dễ hiểu. Tập Dị Môn Túc cho đến noãn tức là bại vong, là dẫn tập dị môn chứng minh tư thực đối với hiện tại có trợ giúp. Luận chép: Ở đây không nên như vậy cho đến theo vọng tưởng thì qua đời, chính là bổn văn của Luận chủ. Nay văn giải thích rõ nếu chứng minh nghĩa tư thực sẽ không đúng, nếu nói rộng nghĩa luận thì lực dụng bất tư nghị không trái nhau. Luận chép: Khởi niệm thường suy nghĩ ở xúc vị, nói về lúc khởi suy nghĩ đó là lúc chi xúc trong mười hai chi, luận chép: Các pháp hữu lậu cho đến nói thực chỉ có bốn, là hỏi lý do phước lập, tuy như thế y theo vượt hơn có thể khởi đương hữu, đây trả lời sơ lược. Đoàn thực, xúc thực có thể lợi ích hiện tại là hơn, còn tư thực và thức thực dẫn sinh đương lai là hơn, vì vậy chỉ nói bốn thực.

Luận chép: Nói sở y cho đến nghiệp là tốt đẹp nhất, là giải thích hai cách thực trước. luận chép: Nói đương hữu cho đến rất tốt đẹp là giải thích hai thứ thực sau. Cho nên tuy hữu lậu chỉ nói bốn thực, là tổng kết văn trên, luận chép. Vì hai thứ trước như nuôi mẹ cho đến sinh, chưa sinh, là nêu ví dụ hiển rõ. Luận chép: Tất cả đoạn đều là thực, có thể giúp thân có dụng ăn uống, không có công năng giúp thân thì không có công dụng của thực, nên không gọi là Thực. Luận chép: Có đoạn chẳng có thực, cho đến đều có bốn trường hợp, là đáp, chỉ có đoàn thực kia còn ba thứ thực còn lại cũng có bốn trường hợp rất dễ hiểu.

Luận chép: Nếu có xúc v.v... cho đến vô lậu xúc v.v... đây là nói trợ giúp lợi ích mà chẳng phải thực. Văn trước nói có thực mà không có lợi ích, vả lại y theo sự không ích chẳng gọi là Thực, thật ra không lợi ích cũng thuộc về thực. Luận chép: Các cõi thực đã trợ giúp căn, đại chủng, đây là nói có tổn hại cũng gọi là Thực. Nhưng đối với hai thời hễ có bất cứ một lợi ích nào thì gọi là Thực, luận chép: Đến đâu sinh

đâu cho đến đều có đủ bốn thực, là nói bốn sanh, năm đường đều có đủ bốn thực. Vì sao địa ngục có đoàn thực? Là hỏi, hòn sắt nóng, đồng sôi há chẳng phải đoàn thực là đáp. Luận chép: Nếu năng làm hại đến thức thực cũng như vậy là nạn. Trong đó, có hai: Một là trái với bốn trường hợp trước, hai là trái với Phẩm Loại Túc Luận. Cả hai thứ này đều nói duyên tư ích mới gọi là Thực, vì sao nói, nói đồng sôi, hòn sắt nóng cũng là thực? Luận chép: Kia nói lại nương cho đến đều có bốn thực. Trong bốn trường hợp trước và Phẩm Loại Túc Luận lại nói giúp thân, Tỳ-bà-sa nói căn cứ được tướng thực, do đó nên nói hòn sắt nóng đồng sôi được tướng thực cũng gọi là Thực. Địa ngục Cô Độc cũng có lợi ích không có tổn hại đoạn thực, như thực trong loài người vì vậy nói năm đường đều đủ bốn thực.

27. *Nói về giải thích khác:*

Y theo văn luận này trong tám địa ngục không lợi ích thân thực, Đức Thế tôn đã nói cho đến dị sinh trong rừng, nhờ đó nói bốn thực, là hỏi, thí thực được quả khác nhau với người. Luận chép: Có tạo tác là giải thích cho đến các loài có bụng, là nói giải thích khác. Luận chép: Kia giải thích phi lý, cho đến so sánh khó vượt hơn, là Luận chủ bác bỏ. Trong đó có hai: Một là trái văn đó là kinh nói thí cho một dị sinh trong rừng Thiệm-bộ, nay nói tất cả trụ Châu Thiệm-bộ chẳng phải là một. Hai là tất cả dị sinh ở Thiệm-bộ lý hơn một trăm ngoại đạo tiên, đâu đủ để nương tựa so sánh vạn hỏi hơn. Luận có nói kia là gần Phật, Bồ-tát, là nói về cách giải thích khác thứ hai. Luận chép: Theo lý cũng không đúng cho đến A-la-hán, là Luận chủ bác bỏ, thí cho Bồ-tát gần địa vị Phật, thì được phước hơn thí cho câu chi A-la-hán. Vì sao trong đây đối với ngoại đạo tiên so sánh hơn thua. Luận chép: Tỳ-bà-sa cho đến thuận phần quyết trạch, đây là giải thích luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi lời bình giải thích. Luận chép: Danh và nghĩa này cho đến tự đã phân biệt, là Luận chủ bác bỏ đặc thuận phần quyết trạch gọi Thiệm-Bộ dị sinh không có chỗ y theo, đã không có văn chứng tức là Bà-sa tự phân biệt. Luận Bà-sa quyển một trăm ba mươi dẫn kinh có hơi khác với ở đây, dẫn kinh tuy khác nhưng đại ý đều đồng, giải thích Châu Thiệm-bộ dị sinh có khác nhau. Bồ-tát Hậu thân cho đến đây là nói ứng lý, Luận chủ tự phê bình chấp lấy giải thích này, có gì khác với cách giải thích thứ hai gần Phật Bồ-tát. Gần Phật Bồ-tát chẳng phải chắc chắn ở Châu Thiệm-bộ, Bồ-tát hậu thân thì chắc chắn ở Châu Thiệm-bộ nhưng văn trước có vạn hỏi, vì kia được thí phước hơn thí câu-chi A-la-hán.

Luận chép: Bấy giờ Bồ-tát, cho đến lại nói là hơn trăm lần, là có

cả vắn hỏi trước, luận chép: lẽ ra như vậy nhưng cho đến đối với Dự lưu Hưởng lại xét định lại, sở dĩ biết được lý chắc chắn như vậy. Do trong kinh ấy trước dẫn tiên ngoại đạo đối với dị sinh kia so sánh hơn kém, sau lại so sánh giữa tiên ngoại đạo kia sắp lìa dục, với Dự lưu hưởng. Vì thế mà biết loại dị sinh hơn Dự Lưu Hưởng, pháp so sánh là trước nhiều sau ít, hoặc cho rằng dị sinh là thuận phần quyết trạch tức nên dẫn dị sinh kia đối với Dự so sánh hơn kém Lưu Hưởng, thì dị sinh kém hơn dự lưu. Luận chép: Đã nói hữu tình cho đến có sinh tử, Luận chép: Dưới đây hai hàng nửa bài kệ, là thứ ba của đại văn nói về sinh tử thọ thức. Theo Luận Chánh Lý nay nên suy nghĩ lựa chọn, ở trước đã nói bốn hữu trung đẳng, hai hữu tử sinh chỉ một Sát-na, trong thời gian này thức nào hiện khởi, thức này lại tương ứng với thọ nào? Định tâm, vô tâm có bị sinh tử hay chăng? Trụ tánh thức nào được nhập Niết-bàn, khi qua đời thức diệt chỗ nào, đoạn Mạt-na thể nó thế nào, luận này lược nêu hai câu hỏi trước, đồng với câu hỏi sau.

28. Giải thích tử sinh chỉ có ý thức:

Luận chép: Ban đầu kết trung hữu, là đáp câu hỏi thứ nhất, nếu sáu vị kia chỉ có ý thức, là để giải thích tử, sinh chỉ có ý thức. Đã nói về sinh lẽ ra nói biết cũng nhiếp trung hữu của kiết ban đầu, vị này cũng chỉ là ý thức v.v... cho nên đồng với sinh hữu cũng gọi là Sinh. Trung hữu sơ tâm cũng gọi là trung hữu không gọi là sinh hữu. Đã nói trung hữu dựa vào văn gì chứng minh cũng được gọi là sinh. Luận Chánh Lý chép: Luận này cũng có khi dùng sinh thanh để nói kiết vị trung hữu, có cõi Dục hệ kiến, tu thì dứt hai bộ các kiết cùng lúc được, đó là lúc cõi trên chết rồi sinh xuống cõi Dục, đẳng sinh này nói trung hữu bắt đầu, do bài tụng này nói sinh bao gồm cả trung hữu. Luận chép: Tử sinh chỉ chấp nhận cho đến không thuận sinh tử, là trả lời câu hỏi thứ hai. theo Luận Chánh Lý do khi tử, sinh chắc chắn mê mờ yết ớt, do đó nên nói ba thứ Tĩnh lự cõi dưới chỉ có cận phần tâm là có lý tử sinh, vì địa căn bản không thọ xả. luận chép: Lại trong hai thời gian này cho đến chắc chắn chẳng phải vô tâm, là lược đáp câu hỏi thứ ba, thứ tư. Nghĩa là giai đoạn tử, sinh chẳng phải ở trong định cũng chẳng phải vô tâm, luận chép: Chẳng phải ở tâm định cho đến vì năng nhiếp ích, là dùng riêng ba nhân để chứng minh ở trong tâm định không có sinh tử.

29. Nói về Địa giới biệt:

Địa giới biệt nghĩa là thân ở cõi Dục đồng nhập địa định cõi trên v.v... không thể ở tâm dị địa, mà qua đời thọ sinh, dù khiến cho giới, địa đồng, vì chắc chắn gia hạnh khởi cũng không thể nói qua đời v.v... vì

định cũng có công năng nhiếp ích. Theo Luận Chánh Lý thì chẳng phải ở tâm định có lý sử sinh, vì chẳng phải giới, có tử sinh địa riêng. Giả sử giới địa đồng rất lanh lợi, thì do thắng gia hạnh dẫn phát, Lại ở tâm định hay nhiếp ích, chắc chắn do tổn hại mới bị qua đời, vì các tại tâm định chẳng phải nhiễm ô, phải do nhiễm ô mới được thọ sinh, vì dị địa nhiễm tâm cũng nhiếp ích, gia hạnh khởi nên không có lý qua đời. Dị địa nhiễm tâm phải thuộc về thắng địa, đâu có chấp nhận lạc trụ liệt địa thọ sinh, vì thế kia cũng không có lý năng thọ sinh, tất cả dị địa tịnh vô ký tâm, gia hạnh khởi nên không có lý qua đời, chẳng phải nhiễm ô nên không có lý thọ sinh. Luận chép: Cũng chẳng phải vô tâm cho đến không thọ sinh. Là nói riêng về vô tâm không có sinh tử.

Luận Chánh Lý chép: Lại chẳng phải vô tâm có nghĩa qua đời vì lý trái nhau, tử có hai thứ hoặc bị người khác hại, hoặc tự nhiên qua đời. Trong vị vô tâm người khác không thể hại, vì có pháp thù thắng giữ gìn thân, nên xứ vô tâm vị không tự nhiên qua đời, vì nhập tâm định năng dẫn xuất tâm, nghĩa là nhập tâm tạo tác duyên đẳng Vô gián, chấp lấy nương vào pháp đẳng quả của thân tâm này, chắc chắn không có pháp riêng có công năng làm chướng ngại khiến cho không sinh. Hoặc thân sở y sắp biến hoại, chắc chắn định lại khởi thuộc thân tâm này mới qua đời, không còn có lý nào khác, có Khế kinh chứng minh vô tâm không qua đời, vì vậy Khế kinh nói với hữu tình Vô Tướng do tướng khởi rồi mất ở chỗ đó, chẳng phải vị vô tâm có thể được thọ sinh (vân vân, có nhiều cách giải thích).

Luận chép: tuy có nói chết cho đến mà không có dị thực chỉ có vô ký Niết-bàn, là trả lời câu hỏi thứ năm. Vì sao chỉ có vô ký được nhập Niết-bàn, là hỏi lý do? Luận chép: Vì thế lực vô ký rất yếu thuận với tâm đoạn, là đáp lý do. Theo Luận Chánh Lý, thiện yếu kém vì sao không nhập Niết-bàn? Vì tâm thiện đó có dị thực, các vị A-la-hán nhằm chán trái với các quả dị thực ở đời vị lai lẽ ra nhập Niết-bàn. Hoặc như thế trụ dị thực nên không nhập Niết-bàn là không đúng. Vì đã nói chỉ nhằm trái vị lai, vì sao không nhằm trái với dị thực ở hiện tại? Vì biết y dị thực hiện tại dứt hẳn các cõi, y dị thực hiện tại chứng quả vô học, biết kia có ân không có nhằm chán hoại sâu, các vị A-la-hán rất nhằm chán đời sau, nên khi qua đời tránh nhân thiện kia, vì chỉ có thế lực của hai pháp vô ký và yếu kém, thuận với sự dứt tâm nối tiếp tối tăm, yếu kém, nên nhập Niết-bàn, chỉ có hai pháp vô ký.

Luận chép: Đối với giai đoạn qua đời cho đến khi thức sau cùng diệt, là trả lời câu hỏi thứ sáu (dựa vào câu hỏi) mà khởi. Luận chép:

Người mau qua đời cho đến cũng tâm xứ diệt là đáp. A-la-hán không còn thọ thân đời sau nên tâm xứ diệt.

30. Nói về thuyết khác:

Luận chép: Các luận sư khác nói, kia diệt ở đỉnh đầu, là nói thuyết khác của các Luận sư. Theo ý vị luận sư này thì Niết-bàn tối thắng nên diệt ở đỉnh. Đúng lúc qua đời cho đến nhất xứ đều diệt tận, là giải thích ngay chỗ thức diệt. Thức không có nơi chốn nên không có tâm nói rộng nơi chốn, tùy thân căn diệt xứ mà nói thức diệt xứ. Có người qua đời từ từ cho đến nghĩa là Mạt-na, là trả lời câu hỏi thứ bảy, do trong thân có chi tiết khác gọi là Mạt-na, không có vật khác.

Luận Chánh Lý chép: Trong thân có chỗ riêng, khi gió, nóng, lạnh ép ngặt, cực thọ khổ sinh bèn dẫn đến cái chết, gọi là Mạt-na. luận chép: Hoặc nước, lửa, gió cho đến nên được gọi là dứt, giải thích tên đoạn, gió, nước, lửa năng xúc chạm nên bị dứt mạng sống gọi là Mạt-na, không phải như chẻ củi thành hai đoạn bằng nhau gọi là dứt theo Chánh Lý hay phát ra lời nói chê bai châm biếm người theo thật và không thật đó mà tổn thương lòng người, do đó phải nhận lấy dứt khổ Mạt-ma.

Luận chép: Địa giới tùy chỗ ứng khởi, là giải thích lý do địa không thể dứt Mạt-ma. Luận chép: Có thuyết cho rằng đây cũng giống như ba tai của khí thế gian bên ngoài. Luận chép: Đây nói không có dứt Mạt-ma ở tầng trời, là nói dứt Mạt-ma có hay không có. Luận chép: Nhưng các thiên tử cho đến không chắc chắn phải chết, đây là nói tướng suy nhỏ ở cõi trời.

31. Nói về năm tướng suy:

Luận chép: Lại có năm cho đến chắc chắn phải chết, đây là nói năm tướng suy lớn ở tầng trời. Luận Chánh Lý chép: Năm tướng này xuất hiện thì chắc chắn qua đời, nếu có gặp duyên mạnh mẽ cũng không thay đổi, chẳng phải năm tướng này các vị trời đều có, cũng không phải năm tướng này mỗi vị đều có đầy đủ, tập hợp lại thì nói có năm, làm sao biết được không phải tất cả đều có? Vì nhờ giáo và lý, giáo là kinh chép tầng trời ba mươi ba có khi ngồi trong nhà thiện pháp trong lúc cùng thọ hưởng pháp lạc thì có thiên tử phước thọ đều hết, tức ở trong thiên chúng không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, mà bỗng nhiên biến mất mọi người đều không hay biết. Kinh nói chư thiên có năm tướng suy hiện ra trải qua năm ngày đêm, sau đó mới qua đời, chẳng lẽ không hay biết không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, về lý cho rằng tướng suy đều là nghiệp quả không khéo tròn đủ, không phải tất cả vị trời đồng nhóm

hợp nghiệp bất thiện này.

32. Nói về ba nhóm chúng sinh:

Luận chép: Đức Thế tôn đối với việc này cho đến thế nào là ba nhóm, dưới đây là thứ tư của đại văn nói về ba nhóm chúng sinh, luận chép: Cho đến ba nhóm bất định tánh, là nêu tên ba nhóm. Luận chép: Thế nào là hỏi. Luận chép: Khế kinh nói cho đến đó gọi là chánh tánh. Nói vô dư đoạn tức là Niết-bàn hữu dư, vô dư, Niết-bàn này gọi là chánh tánh. Theo Luận Chánh Lý vì sao chỉ có đoạn gọi là chánh tánh? vì hết hẳn pháp tà nguy, lại thể là thiện thường, trí đó định ái, cho nên Đức Thế tôn cũng nói Thánh đạo gọi là chánh tánh. Trong kinh nói hướng vào chánh tánh ly sinh. Luận chép: Định là Thánh, cho đến nên gọi là chánh định, giải thích chánh định, đặc vô lậu đoạn, đặc không vượt quá bảy lần sinh chứng Niết-bàn. Luận chép: Các vị đã được đặc cho đến vì sao chẳng phải chánh định? là Hỏi: Nếu dùng định mà đặc Niết-bàn gọi là chánh định, đặc thuận giải thoát phần thiện định, đặc Niết-bàn, sao không từ đây gọi là chánh định chỉ chấp bậc Thánh. Luận chép: Sau kia, hoặc theo đến, không gọi là chánh định, là đáp ở đây có bốn giải thích:

Một là thời gian sau có lẽ rơi vào tà định. Hai là khi chứng đặc Niết-bàn chưa định.

Ba là chẳng phải như bậc dự lưu, Cực Thất phẩm hữu. Bốn là vì kia chưa thể xả bỏ tà tánh.

Luận chép: Thế nào là tà tánh? Là hỏi. Luận chép: Là các địa ngục cho đến gọi là tà tánh là đáp. Nghĩa là ba đường ác gọi là tà tánh. Luận Chánh Lý chép: Thế nào gọi là tà tánh? Có ba thứ thú tà tánh: Nghiệp tà tánh, kiến tà tánh tức là đường ác, nghiệp trong Năm Vô gián, năm loại kiến chấp bất chánh, như thứ lớp làm thể luận chép: Định nghĩa là Vô gián cho đến gọi là tà định là giải thích tà định, tức là chắc chắn đọa địa ngục nên gọi là tà định. Luận chép: Vì chánh tà định còn lại cho đến có thể thành hai thứ, đây là giải thích thứ ba nhóm bất định, chẳng phải định thuộc một, được gọi là bất định, trụ tăng thượng nhân và thứ nhất thời, thời thiếu nên không nói và chưa xả tánh tà kiến.

